

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND
ngày 30 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh đối với Dự án đầu tư trường học
tiên tiến hiện đại giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3240/SKHĐT-TĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Dự án đầu tư trường học tiên tiến hiện đại giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với nội dung chính như sau:

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư Dự án đầu tư trường học tiên tiến hiện đại giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Nội dung thông tin về chủ trương đầu tư dự án tại Phụ lục kèm theo.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư trong quá trình tổ chức thực hiện:

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan để thực hiện công tác thẩm định dự án đảm bảo thời gian theo quy định.

4. Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc vượt quá thẩm quyền thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xử lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



Cao Tiến Dũng



Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Dự án đầu tư trường học tiên tiến hiện đại giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

a) Mục tiêu đầu tư:

Trang bị thiết bị, dụng cụ và các phần mềm hỗ trợ để giúp các trường xây dựng phương pháp giảng dạy, môi trường học tập hứng thú, năng động, sáng tạo đối với công tác dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

b) Quy mô đầu tư:

Đầu tư trang thiết bị tiên tiến cho 61 cơ sở giáo dục, trong đó có 20 trường ở giai đoạn thí điểm tiếp tục đầu tư ở giai đoạn 2021-2025 (chủ yếu đầu tư phòng học tiên tiến cho những phòng học chưa được đầu tư ở giai đoạn thí điểm) và 41 trường học đầu tư mới ở giai đoạn 2021-2025.

Danh mục thiết bị đầu tư:

STT	Thiết bị đầu tư	ĐVT	Tổng số	Trong đó:		
				TH	THCS	THPT
1	Phòng học Tiên tiến	Phòng	1.138	677	354	107
2	Phòng Tin học	Phòng	55	33	20	2
3	Phòng Ngoại ngữ	Phòng	60	36	22	2
4	Hạ tầng CNTT	Hệ thống	49	30	17	2

b) Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

d) Tổng mức vốn đầu tư: khoảng 636,009 tỷ đồng (trong đó: chi phí thiết bị là 596,283 tỷ đồng, chi phí quản lý dự án là 4,941 tỷ đồng, chi phí tư vấn đầu tư là 3,135 tỷ đồng, chi phí khác là 1,359 tỷ đồng, dự phòng phí là 30,288 tỷ đồng).

đ) Cơ cấu nguồn vốn: ngân sách tỉnh.

e) Địa điểm thực hiện dự án: tại 61 cơ sở giáo dục phổ thông công lập hiện hữu đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, chia ra theo cấp học gồm: 34 trường tiểu học, 22 trường trung học cơ sở, 5 trường trung học phổ thông.

e1) Danh mục cơ sở giáo dục dự kiến đầu tư thiết bị tiên tiến hiện đại giai đoạn 2021-2025:

TT	Tên trường	Địa chỉ	Nội dung đầu tư			
			Số phòng học tiên tiến	Số phòng tin học	Số phòng ngoại ngữ	Hạ tầng CNTT
	Tổng cộng (I+II)		1.138	55	60	49
I.	Các đơn vị thực hiện giai đoạn thí điểm được đầu tư bổ sung		200	10	6	8
1	TH Tân Phong B	Phường Tân Phong -TP. Biên Hòa	6	2	0	0
2	TH Nguyễn An Ninh	Phường Tân Mai -TP. Biên Hòa	12	1	1	1
3	THCS Hùng Vương (BH)	Phường Quang Vinh -TP. Biên Hòa	14	3	1	1
4	TH Nguyễn Du	Xã Bảo Bình-huyện Cẩm Mỹ	10	0	0	1
5	THCS Lê Quý Đôn (CM)	Xã Xuân Tây-huyện Cẩm Mỹ	4	1	1	0
6	TH Phước Thiện I	Xã Phước Thiện-huyện Nhơn Trạch	15	0	1	1
7	THCS Phước Thiện	Xã Phước Thiện-huyện Nhơn Trạch	22	0	2	1
8	TH Chu Văn An (ĐQ)	TT Định Quán- huyện Định Quán	6	0	0	0
9	THCS Ngô Thời Nhiệm	TT Định Quán- huyện Định Quán	6	0	0	0
10	TH Cao Bá Quát	Thị trấn Trảng Bom-huyện Trảng Bom	5	0	0	0
11	THCS Hùng Vương (TB)	Thị trấn Trảng Bom-huyện Trảng Bom	5	0	0	0
12	THCS Trung Vương	Xã Xuân Hiệp- huyện Xuân Lộc	10	0	0	1
13	THCS Tân An	Xã Tân An-huyện Vĩnh Cửu	5	0	0	0
14	TH Trần Bình Trọng	Bàu Hàm 2- huyện Thống Nhất	12	0	0	1
15	THCS Quang Trung	Quang Trung-huyện Thống Nhất	13	0	0	1
16	THCS Nguyễn Đức Ứng	TT Long Thành-huyện Long Thành	8	0	0	0
17	TH Kim Đồng	Phường Xuân An, TP. Long Khánh	14	1	0	0
18	THPT Trần Biên	Thành phố Biên Hòa	13	2	0	0
19	THPT Long Khánh	Thành phố Long Khánh	10	0	0	0
20	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Thành phố Biên Hòa	10	0	0	0
II	Các đơn vị đầu tư mới giai đoạn 2021-2025		938	45	54	41
1	TH Tam Hiệp A	Phường Tam Hiệp - TP. Biên Hòa	25	1	2	1
2	TH Tân Tiến	Phường Tân Tiến - TP. Biên Hòa	23	1	1	1
3	TH Nguyễn Huệ	Phường Tân Biên - TP. Biên Hòa	30	1	1	1
4	TH An Hào	Phường An Bình - TP. Biên Hòa	18	1	1	1
5	THCS Thống Nhất	Phường Thống Nhất - TP. Biên Hòa	25	1	1	1
6	THCS Trần Hưng Đạo	Xã Bảo Bình - huyện Cẩm Mỹ	21	2	2	1
7	TH Long Giao	TT Long Giao-huyện Cẩm Mỹ	12	1	1	1
8	TH Xuân Quế	Xã Xuân Quế-huyện Cẩm Mỹ	19	1	1	1
9	TH Phú Thạnh	Xã Phú Thạnh-huyện Nhơn Trạch	27	1	2	1
10	THCS Phú Thạnh	Xã Phú Thạnh-huyện Nhơn Trạch	20	1	1	1
11	TH Vĩnh Thanh 2	Xã Vĩnh Thanh-huyện Nhơn Trạch	25	0	1	1
12	THCS Phú Túc	Xã Phú Túc- huyện Định Quán	21	2	2	1
13	TH Đình Tiên Hoàng	Xã Phú Túc-huyện Định Quán	26	1	1	1

14	TH Phú Ngọc B	Xã Phú Ngọc- huyện Định Quán	30	2	1	1
15	THCS Phan Chu Trinh	Xã Đông Hòa -huyện Trảng Bom	25	2	2	1
16	THCS Lê Đình Chinh	Xã Hố Nai 3-huyện Trảng Bom	12	2	2	1
17	TH Trung Tâm	Xã Thanh Bình-huyện Trảng Bom	19	1	1	1
18	TH Nguyễn Khuyến	Xã Đông Hòa-huyện Trảng Bom	18	0	1	1
19	TH Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa-huyện Xuân Lộc	22	2	2	1
20	TH Kim Đồng	TT Gia Ray- huyện Xuân Lộc	30	1	1	1
21	TH Xuân Tâm 2	Xã Xuân Tâm- huyện Xuân Lộc	26	2	2	1
22	THCS Phan Bội Châu	TT Gia Ray- huyện Xuân Lộc	23	1	1	1
23	TH Chu Văn An	Xã Thạnh Phú-huyện Vĩnh Cửu	30	1	1	1
24	THCS Lê Quý Đôn	TT Vĩnh An - huyện Vĩnh Cửu	25	1	1	1
25	TH Kim Đồng	TT Vĩnh An - huyện Vĩnh Cửu	14	1	1	1
26	TH Phan Bội Châu	TT Dầu Giây-huyện Thống Nhất	27	1	1	1
27	TH Xuân Thạnh	TT Dầu Giây-huyện Thống Nhất	24	1	1	1
28	THCS Ngô Quyền	Xã Bàu Hàm 2-huyện Thống Nhất	24	1	1	1
29	TH-THCS Hùng Vương	Xã Hưng Lộc-huyện Thống Nhất	27	1	1	1
30	TH Long Phước	Xã Long Phước-huyện Long Thành	24	1	2	1
31	TH Cẩm Đường	Xã Cẩm Đường-huyện Long Thành	19	1	1	1
32	THCS Cẩm Đường	Xã Cẩm Đường-huyện Long Thành	18	0	2	1
33	TH Huỳnh Tấn Phát	Xã Phú Xuân-huyện Tân Phú	20	1	1	1
34	THCS Đồng Hiệp	Xã Phú Điền-huyện Tân Phú	12	1	1	1
35	TH Phú Điền	Xã Phú Điền-huyện Tân Phú	19	1	1	1
36	TH Hòa Bình	Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh	30	2	3	1
37	TH Long Khánh	Phường Xuân Hòa, TP. Long Khánh	25	2	2	1
38	THCS Lê Quý Đôn	Phường Xuân An, TP. Long Khánh	14	1	1	1
39	TH Nguyễn Hữu Cánh (điểm chính)	Xã Bình Lộc, TP. Long Khánh	15	1	1	1
40	THPT Xuân Lộc	Huyện Xuân Lộc	41	0	1	1
41	THPT Cẩm Mỹ	Huyện Cẩm Mỹ	33	0	1	1

e2) Số lượng thiết bị cho 01 phòng tiên tiến:

STT	Danh mục thiết bị	STT	Danh mục thiết bị
I.	Phòng học tiên tiến (số lượng 1.144)	4	Máy tính học sinh
1	Màn hình tương tác cho giáo viên kèm phần mềm và học liệu	5	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng
2	Bảng trượt bao gồm khung treo màn hình tương tác	6	Module quang
3	Máy tính cho giáo viên	7	Phần mềm học tập và giảng dạy ngoại ngữ
4	Hệ thống âm thanh	7.1	Phần mềm điều khiển dành cho giáo viên và học sinh (01 giáo viên và 45 học sinh)
4.1	Loa	7.2	Phần mềm điều khiển dành cho giáo viên và học sinh (01 giáo viên và 35 học sinh)
4.2	Amplifier	8	Hệ thống âm thanh

4.3	Bộ micro không dây	8.1	Loa
5	Chi phí lắp đặt và phụ kiện	8.2	Amplifier
II.	Phòng học tin học (số lượng 55)	8.3	Bộ micro không dây
1	Máy tính cho giáo viên	9	Bàn ghế giáo viên
2	Máy tính học sinh	10	Bàn ghế máy tính học sinh 2 chỗ ngồi
3	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng	11	Chi phí lắp đặt và phụ kiện
4	Module quang	IV.	Hạ tầng CNTT (số lượng 49)
5	Hệ thống âm thanh	1	Thiết bị tường lửa
5.1	Loa	2	Thiết bị chuyển mạch trung tâm
5.2	Amplifier	3	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng
5.3	Bộ micro không dây	4	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng , có PoE
6	Bàn ghế giáo viên	5	Thiết bị chuyển mạch 8 cổng , có PoE
7	Bàn ghế máy tính học sinh 2 chỗ ngồi	6	Thiết bị phát sóng không dây
8	Chi phí lắp đặt và phụ kiện	7	Thiết bị phát sóng và quản lý mạng không dây
III.	Phòng học ngoại ngữ (số lượng 62)	8	Module quang
1	Màn hình tương tác cho giáo viên kèm phần mềm và học liệu	9	Tủ rack mạng
2	Bảng trượt bao gồm khung treo màn hình tương tác	10	Tủ rack treo tường
3	Máy tính cho giáo viên	11	Đường truyền internet FTTH + địa chỉ IP tĩnh

g) Thời gian thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 (kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án).

h) Tiến độ thực hiện dự án: tối đa 04 năm. Dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.